

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HS-ST

Ngày: 19-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Chí Trường.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp (Trụ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 21-6-1993; Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện nay: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm M, sinh năm: 1954 (Sống) và con bà Trương Thị H, (Chết); Có vợ tên: Trần Thị Thanh T1, sinh năm: 2003 (Đã ly hôn); Con 02 người: Lớn nhất sinh năm: 2015; Nhỏ nhất sinh năm: 2022; Anh (chị, em) ruột: 07 người, bị cáo là con thứ út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày: 05-12-2025; Hủy bỏ biện pháp tạm giữ: ngày 08-12-2025; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng: Phạm Văn H1, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 03-12-2025 Phạm Văn T từ nhà ở ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp đi qua tỉnh Tây Ninh chơi. Sau khi T đi về đến xã T, tỉnh

Đồng Tháp thì T gặp một thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ) mua 01 bọc ma túy với giá 200.000 đồng đem về nhà cất giấu vào ngăn tủ trong phòng ngủ. Đến khoảng 10 giờ, ngày 05-12-2025 nhận được tin báo của người dân có đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà ông Phạm M (cha của T) nên Công an xã T đến nhà ông M kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện ngăn tủ trong phòng ngủ của T có cất giấu 01 bọc nylon màu trắng, có rãnh kéo màu xanh bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng, nghi là chất ma túy nên Công an xã T tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật.

* Vật chứng của vụ án thu giữ được:

- 01 bọc nylon màu trắng, có rãnh kéo màu xanh, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng.

- 01 cái hột quẹt; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

* Tại bản kết luận giám định số: 2554/KL-KTHS, ngày 08-12-2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 01 bọc nylon màu trắng có rãnh kéo màu xanh được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, có tổng khối lượng 0,102 gam, loại Methamphetamine. Sau giám định hoàn lại khối lượng 0,080 gam.

Tại Cáo trạng số 61/CT-VKS-KV12 ngày 06-02-2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung Cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Về tình tiết tăng nặng: Không có; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đối với người thanh niên (không biết họ, tên và địa chỉ) bán ma túy cho Phạm Văn T. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Kiểm sát viên đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn trong phong bì đã niêm phong còn lại

sau giám định có khối lượng 0,080 gam; 01 cái hột quẹt; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Hiện vật chứng trên Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Tháp đang quản lý.

Tại phần tranh luận bị cáo Phạm Văn T không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Văn T không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn T phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng khác và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đây là vụ án tàng trữ trái phép chất ma túy do bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã có hành vi mua ma túy loại Methamphetamine. Sau khi bị cáo mua được ma túy đem về nhà bị cáo cất giấu trong phòng ngủ nhà của bị cáo.

[3] Căn cứ vào Kết luận giám định số 2554/KL-KTHS, ngày 08-12-2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon màu trắng có rãnh kéo màu xanh được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, có tổng khối lượng 0,102 gam, loại Methamphetamine. Sau giám định hoàn lại khối lượng 0,080 gam.

Methamphetamine là chất được quy định tại số thứ tự 247, mục IIC, thuộc Danh mục II, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ. Được thay thế bởi Nghị định 28/2026/ND-CP ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, số thứ tự 267, mục IIB về quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, đây là chất cấm tàng trữ. Đồng thời, qua tranh tụng tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội phạm của mình, như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị

cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...

c) ... Methamphetamine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.”.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến chính sách độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy. Khi thực hiện hành vi vi phạm, bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo nhận thức được hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, là nguồn gốc phát sinh của nhiều tội phạm hình sự, nên cần xét xử bị cáo mức án tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo chỉ làm thuê, không có thu nhập ổn định, bị cáo cũng không có đảm nhiệm chức vụ gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[7] Đối với người thanh niên (không biết họ, tên và địa chỉ) bán ma túy cho Phạm Văn T. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cụ thể:

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn trong phong bì đã niêm phong còn lại sau giám định có khối lượng 0,080 gam; 01 cái hột quẹt; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Xét thấy phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ đi những ngày tạm giữ bị cáo từ ngày 05 tháng 12 năm 2025 đến ngày 08 tháng 12 năm 2025.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn trong phong bì đã niêm phong còn lại sau giám định có khối lượng 0,080 gam; 01 cái hột quẹt; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

(Vật chứng trên hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06-02-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đồng Tháp).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 19 tháng 3 năm 2026).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh ĐT;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh ĐT;
- Phân trại tạm giam Hồng Ngự;
- Phòng THADS khu vực 12 - Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp;
- Công an xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương